

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ NỘI VỤ

SỔ TAY
TUYÊN TRUYỀN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Lâm Đồng, tháng 5 năm 2026

LỜI GIỚI THIỆU

Cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước, giữ vai trò then chốt trong xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính, phục vụ Nhân dân và phát triển đất nước bền vững. Bước vào giai đoạn 2026 - 2030, công cuộc cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh với yêu cầu cao hơn, toàn diện hơn, gắn chặt với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ, công tác cải cách hành chính được xác định tiếp tục kế thừa, phát huy kết quả đạt được, đồng thời khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế của giai đoạn trước; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực; xây dựng nền hành chính thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Theo đó, cải cách hành chính tập trung vào các nội dung cốt lõi như: hoàn thiện thể chế; cải cách thủ tục hành chính; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp; đổi mới cơ chế tài chính công; phát triển Chính phủ số, chính quyền số. Đây chính là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực quản trị quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Trên cơ sở định hướng chung của Trung ương, tỉnh Lâm Đồng đã và đang cụ thể hóa bằng nhiều chương trình, kế hoạch thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; xác định cải cách hành chính là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội,

nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, xây dựng chính quyền thân thiện, gần dân, vì Nhân dân phục vụ.

Sổ tay tuyên truyền cải cách hành chính được Sở Nội vụ chủ trì biên soạn nhằm cung cấp những nội dung cơ bản, trọng tâm, dễ hiểu về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính trong giai đoạn mới; bộ câu Hỏi - Đáp về cải cách hành chính góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; tạo sự đồng thuận xã hội, thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Với tinh thần đổi mới, quyết tâm và hành động, cải cách hành chính không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước mà còn là quá trình đồng hành của toàn xã hội, hướng tới mục tiêu xây dựng nền hành chính phục vụ, hiện đại, minh bạch, vì sự hài lòng của người dân và sự phát triển bền vững của tỉnh Lâm Đồng.

SỞ NỘI VỤ TỈNH LÂM ĐỒNG

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| LỜI GIỚI THIỆU | 1 |
| MỤC LỤC..... | 3 |
| DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT..... | 4 |
| PHẦN I: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 TỈNH LÂM ĐỒNG..... | 5 |
| PHẦN II: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG | 12 |
| PHẦN III: KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030..... | 19 |
| PHẦN IV: BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TÌM HIỂU VỀ KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 | 29 |
| PHẦN V: BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TÌM HIỂU VỀ KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030..... | 41 |
| PHẦN VI: BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TÌM HIỂU VỀ KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2026 | 56 |

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT

| Thứ tự | Ký hiệu chữ viết tắt | Chữ viết đầy đủ |
|---------------|---------------------------------|---|
| 01 | HĐND | Hội đồng nhân dân |
| 02 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 03 | CCHC | Cải cách hành chính |
| 04 | TTHC | Thủ tục hành chính |
| 05 | QPPL | Quy phạm pháp luật |
| 06 | DVC | Dịch vụ công |
| 07 | CSDL | Cơ sở dữ liệu |
| 08 | ĐVSNCL | Đơn vị sự nghiệp công lập |
| 09 | PAR INDEX | Chỉ số cải cách hành chính |
| 10 | SIPAS | Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước |
| 11 | AI (Artificial Intelligence) | Trí tuệ nhân tạo |

PHẦN I: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kế hoạch số 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025
của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Chủ đề “Tăng cường kỷ cương, đổi mới sáng tạo, chủ động thích ứng, đột phá phát triển”

Xác định lĩnh vực đột phá của năm 2026: Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, tập trung ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) để mang lại hiệu quả rõ nét trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu

- 100% văn bản QPPL được cập nhật trên CSDL quốc gia về pháp luật kịp thời, đúng quy định.
- 100% văn bản QPPL được công bố kịp thời, đúng quy định khi hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực.
- 100% văn bản QPPL được kiểm tra theo quy định.
- 100% văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị được xử lý kịp thời, đúng quy định.
- Ứng dụng AI trong phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Nhiệm vụ

- Đăng tải, cập nhật văn bản QPPL của HĐND và UBND trên CSDL quốc gia về pháp luật ngay khi văn bản được thông qua/ban hành.
- Công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực theo thẩm quyền định kỳ.
- rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thường xuyên. Xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật kịp thời. Kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh kịp thời các nội dung bất cập.

- Ứng dụng AI, tờ rơi, tờ gấp, infographic trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Lấy ý kiến người dân về dự thảo văn bản QPPL qua môi trường số.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu

- Không có TTHC ban hành trái quy định.
- Có các kiến nghị cải cách TTHC; kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL quy định TTHC.
- 100% TTHC, TTHC nội bộ được công bố, công khai kịp thời, đúng quy định.
- 100% TTHC được triển khai thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.
- 100% TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa các cấp (trừ các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ).
- Tối thiểu 98% hồ sơ TTHC được giải quyết trước và đúng hạn.
- 100% hồ sơ TTHC trễ hạn thực hiện xin lỗi đúng quy định.
- 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý và công khai kết quả xử lý theo đúng quy định.
- Ứng dụng AI hỗ trợ tra cứu TTHC.

b) Nhiệm vụ

- Kiểm soát, thẩm định chặt chẽ các nội dung liên quan đến TTHC khi xây dựng văn bản QPPL có quy định TTHC.
- Rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình, mẫu đơn, tờ khai trong giải quyết TTHC.
- Công khai, công bố TTHC kịp thời, đúng quy định.
- Triển khai TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính.
- Thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- Giảm tỷ lệ trễ hạn trong giải quyết TTHC, tăng kỷ luật hành chính.

- Công khai kết quả Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

- Tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin phản ánh, kiến nghị. Tổ chức đối thoại định kỳ với người dân, doanh nghiệp.

- Chấn chỉnh thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận một cửa các cấp.

- Triển khai tích hợp ứng dụng AI hỗ trợ tra cứu, hỏi đáp thông tin liên quan TTHC trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu

- 100% cơ quan cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức kịp thời, đúng quy định.

- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành việc sắp xếp lãnh đạo đáp ứng tiêu chí theo quy định.

- Hoàn thành sắp xếp, kiện toàn ĐVSNCL theo quy định.

- Sử dụng không vượt biên chế được giao.

- 100% vấn đề phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan phù hợp theo quy định.

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNCL theo Phương án 7178/PA-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh.

- Rà soát số lượng biên chế hành chính và số lượng người làm việc trong các ĐVSNCL để có phương án cân đối, tinh giản biên chế phù hợp gắn với vị trí việc làm.

- Hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

- 100% cơ quan, tổ chức hành chính, ĐVSNCL bố trí công chức, viên chức đúng vị trí việc làm được phê duyệt.
- 100% lãnh đạo, quản lý các cấp bổ nhiệm đúng quy định.
- Hoàn thành 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm.
- Triển khai đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo Kế hoạch.
- Siết chặt kỷ luật, đạo đức công vụ, xử lý nghiêm khi có sai phạm.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

- Giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 đạt trên 90%.
- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách.
- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định.
- Có thêm ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và bảo đảm một phần chi thường xuyên.
- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.
- Giảm chi trực tiếp ngân sách cho ĐVSNCL so với năm trước liền kề.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết, tổ chức thực hiện đúng tiến độ, quy định.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh tăng thu ngân sách nhà nước.

- Sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả.

- Thực hiện kịp thời kết luận thanh tra, kiểm toán.

- Thực hiện nghiêm quy chế quản lý và sử dụng tài sản công.

- Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo hướng giảm chi.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Mục tiêu

- Hoàn thành 100% mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch chuyển đổi số năm 2026.

- 80% biểu mẫu báo cáo các cấp được tạo từ e-form.

- Triển khai, cập nhật Khung kiến trúc số kịp thời, đúng quy định.

- 100% hệ thống thông tin dùng chung có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- 100% dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được đưa vào sử dụng chính thức; từ trên 70% văn bản được ký số.

- 100% văn bản xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật); 100% nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được quản lý, giám sát trên môi trường điện tử.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt tối thiểu 80%; khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt tối thiểu 50%.

- 100% DVC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 80%.

- 100% TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có giao dịch thanh toán trực tuyến. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt tối thiểu 90%.

- Vận hành Trung tâm IOC trong quý I năm 2026.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2026.
- Rà soát, cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh kịp thời, đúng quy định.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia đúng yêu cầu.

- Hoàn thiện hệ thống báo cáo của tỉnh, tích hợp chia sẻ dữ liệu báo cáo để tổng hợp thông tin vào kho dữ liệu chung.

- Tuyên truyền, hỗ trợ người dân thực hiện giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Triển khai ứng dụng AI (quản lý, an ninh mạng, điều hành).

7. Công tác chỉ đạo điều hành

- Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ.

- Xác định CCHC là nhiệm vụ thường xuyên, cấp bách, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và đề cao vai trò trách nhiệm người đứng đầu.

- Lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Bố trí đủ nguồn lực, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện CCHC.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, mục tiêu, nội dung và kết quả triển khai kế hoạch CCHC.

- Kịp thời phát hiện xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về công tác CCHC, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi quản lý.
- Chủ động đề xuất áp dụng, nhân rộng các sáng kiến, mô hình mới và các giải pháp có tính đột phá để nâng cao hiệu quả trong thực hiện công tác CCHC.

PHẦN II: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kế hoạch số 3664/KH-UBND ngày 20/3/2026

của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Chủ đề “Tăng cường kỷ cương, đổi mới sáng tạo, chủ động thích ứng, đột phá phát triển”

Xác định lĩnh vực đột phá của giai đoạn: Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, tập trung ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) để mang lại hiệu quả rõ nét trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Quan điểm

Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo để đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

2. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Xây dựng nền hành chính của tỉnh hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Phấn đấu hướng đến mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%.

3. Yêu cầu

a) Kế hoạch phải được tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện và thống nhất, bảo đảm thực chất, hiệu quả và có kiểm soát.

b) Có sự kế thừa kinh nghiệm trong giai đoạn vừa qua, đồng thời bảo đảm luôn có sự đổi mới, sáng tạo trong từng năm của giai đoạn mới.

c) Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC. Lấy kết quả, hiệu quả CCHC làm một tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy

hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

II. CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu

- 100% văn bản QPPL được cập nhật, công bố, kiểm tra kịp thời, đúng quy định.
- 100% văn bản trái pháp luật được xử lý kịp thời, đúng quy định.
- Ứng dụng AI hỗ trợ phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Nhiệm vụ

- Cập nhật, đăng tải kịp thời văn bản QPPL trên CSDL quốc gia ngay sau khi ban hành.
- Định kỳ công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực.
- Thường xuyên rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc phạm vi quản lý. Kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định không còn phù hợp.
- Ứng dụng AI trong phổ biến, giáo dục pháp luật. Lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản qua môi trường số.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu

- Không có TTHC ban hành trái quy định.
- 100% TTHC, TTHC nội bộ được công bố, công khai kịp thời, đúng quy định.
- 100% TTHC triển khai thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.
- 100% TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa các cấp (trừ các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

- 100% TTHC liên thông thực hiện đúng hướng dẫn của bộ ngành Trung ương.
- 100% kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ, kịp thời trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
- Tối thiểu 98% hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết đúng và trước hạn. 100% hồ sơ TTHC trễ hạn được thực hiện xin lỗi theo quy định.
- 100% phản ánh, kiến nghị được xử lý và công khai theo đúng quy định.
- Ứng dụng AI trong việc hỗ trợ tra cứu thông tin liên quan TTHC.

b) Nhiệm vụ

- Kiểm soát, thẩm định chặt chẽ khi xây dựng văn bản QPPL có quy định TTHC.
- Rà soát, đề xuất đơn giản hóa các TTHC; đề xuất tái cấu trúc quy trình, mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết TTHC.
- Công bố, cập nhật TTHC kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.
- Triển khai TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính.
- Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
- Giảm tỷ lệ trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC, nghiêm túc thực hiện xin lỗi khi để xảy ra trễ hạn.
- Tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin, phản ánh, kiến nghị; tổ chức đối thoại định kỳ với người dân và doanh nghiệp để kịp thời có giải pháp tháo gỡ về cơ chế chính sách, TTHC.
- Thường xuyên kiểm tra chấn chỉnh tác phong, lề lối và thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại bộ phận một cửa các cấp.
- Định kỳ công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương giải quyết các TTHC đảm bảo thời gian.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh) tham mưu tích hợp AI hỗ trợ người dân, doanh nghiệp liên quan đến TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Mục tiêu

- 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp xã hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.

- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành sắp xếp lãnh đạo đáp ứng tiêu chí theo quy định.

- Sắp xếp kiện toàn ĐVSNCL theo quy định.

- Sử dụng không vượt quá biên chế được giao.

- 100% vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức đáp ứng tiêu chí theo quy định. Bảo đảm cơ cấu lãnh đạo đúng quy định.

- Sắp xếp, tổ chức lại ĐVSNCL theo Phương án 7178/PA-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh.

- Rà soát, tinh giản biên chế theo vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc.

- Hoàn thiện phân cấp, phân quyền giữa tỉnh và xã. Tăng kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời vấn đề phát sinh.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

- 100% công chức, viên chức bố trí đúng vị trí việc làm được phê duyệt.

- 100% lãnh đạo bổ nhiệm đúng quy định.

- Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm lãnh đạo quản lý các cấp.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm theo Kế hoạch.
- Nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm vi phạm.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

- Phân đầu giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước đạt trên 90% kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao.
- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán.
- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.
- Tăng thêm ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.
- 100% đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.
- Hằng năm giảm chi ngân sách trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp.

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giải ngân đúng tiến độ.
- Tăng thu ngân sách nhà nước.
- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.
- Thực hiện đầy đủ kết luận thanh tra, kiểm toán.
- Quản lý, sử dụng tài sản công chặt chẽ.
- Thực hiện tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp, giảm chi ngân sách.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Mục tiêu

- 100% mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch chuyển đổi số hàng năm hoàn thành đảm bảo tiến độ và chất lượng.
- 100% biểu mẫu báo cáo định kỳ được tạo từ e-form.
- Khung kiến trúc số cập nhật, triển khai kịp thời, đúng quy định.
- 100% hệ thống thông tin dùng chung được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.
- 100% dữ liệu do bộ ngành Trung ương chia sẻ được kết nối.
- Tối thiểu 95% văn bản được ký số.
- 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường điện tử.
- Thông tin, dữ liệu trên Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh được cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu.
- 100% chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa đạt tối thiểu 90%.
- 100% DVC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 90%.
- 100% TTHC có yêu cầu thanh toán trực tuyến phát sinh giao dịch đều thực hiện thanh toán trực tuyến; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 90% trên tổng số giao dịch.
- Hoàn thành và đưa Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh vào hoạt động trong Quý I năm 2026.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số; thường xuyên cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh bảo đảm kịp thời, đúng quy định.
- Triển khai hệ thống thông tin dùng chung trên hạ tầng điện toán đám mây; kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia.
- Sử dụng đồng bộ phần mềm quản lý văn bản; theo dõi, giám sát nhiệm vụ Chính phủ giao.
- Hoàn thành, vận hành Trung tâm IOC trong Quý I năm 2026.
- Hoàn thiện Hệ thống báo cáo; xây dựng kho dữ liệu, tăng cường phân tích phục vụ điều hành.
- Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng DVC trực tuyến; phát huy Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Triển khai ứng dụng AI trong quản lý, điều hành và bảo đảm an ninh mạng.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; xác định CCHC là nhiệm vụ thường xuyên; lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo; đề cao trách nhiệm người đứng đầu.
- Bố trí đủ nguồn lực, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ CCHC.
- Người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ CCHC được giao; tăng cường kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; theo dõi, đánh giá chỉ số PAR INDEX, SIPAS khách quan, công bằng, kịp thời.
- Đẩy mạnh tuyên truyền CCHC với hình thức đa dạng, phù hợp từng đối tượng.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát; xử lý nghiêm vi phạm, thay thế cán bộ gây phiền hà.
- Chủ động đề xuất, nhân rộng mô hình hay, sáng kiến đột phá trong CCHC.

- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn phối hợp, triển khai đồng bộ theo chỉ đạo của tỉnh và bộ, ngành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện

- Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã căn cứ Kế hoạch xây dựng kế hoạch triển khai; báo cáo định kỳ về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ); hoàn thành ban hành kế hoạch trước ngày 15/4/2026.

- Các cơ quan được giao nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn thực hiện.

- Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

PHẦN III: KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục quán triệt, thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đẩy mạnh triển khai, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Kịp thời khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện CCHC giai đoạn 2021 - 2025 của các bộ, ngành, địa phương.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường đổi mới sáng tạo, hành động quyết liệt nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả CCHC, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2030.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2026- 2027

+ Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính, bảo đảm cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, ổn định, khả thi cho bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương hoạt động thông suốt, liên tục, hiệu lực và hiệu quả.

+ Hoàn thiện thể chế, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính tại ĐVSNCL bảo đảm kịp thời, đồng bộ, đúng chủ trương của Đảng.

+ Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

+ 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch.

+ 100% bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

+ 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

+ Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%.

+ 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng DVC trực tuyến.

- *Giai đoạn 2028 - 2030*

+ Có hệ thống pháp luật công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi.

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

+ Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, DVC đạt 90%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của DVC đạt 80%.

+ 100% bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

+ 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

+ Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đạt 30 lần GDP.

+ Xếp hạng về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á và nhóm 50 nước dẫn đầu thế giới theo đánh giá của Liên hợp quốc.

+ Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ công, nhất là y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

3. Yêu cầu

- Xác định CCHC là một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. CCHC phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu cải cách; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Các ngành, các cấp phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Kế hoạch phải được tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện, thống nhất và nghiêm túc, bảo đảm thực chất, hiệu quả, có kiểm soát, không để xảy ra tình trạng triển khai manh mún, hình thức, cục bộ.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong CCHC ở trong nước giai đoạn vừa qua. Tăng cường nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm cải cách của các quốc gia phát triển; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động hiệu quả các nguồn lực về vốn, trí tuệ và công nghệ hỗ trợ cho quá trình CCHC ở Việt Nam.

- Gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC. Lấy kết quả, hiệu quả CCHC là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục đột phá xây dựng và hoàn thiện thể chế, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển; coi đây là “đột phá của đột phá”, là lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế, nhà nước trở thành lực lượng tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng mới.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

c) Tạo đột phá trong tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

d) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm pháp luật minh bạch, nhất quán, ổn định và có tính dự báo cao.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kiểm soát chặt việc ban hành các quy định TTHC trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, bảo đảm TTHC mới ban hành khi thật sự cần thiết, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) Đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

- Rà soát, loại bỏ thủ tục rườm rà, chồng chéo, gây phiền hà; giảm giấy tờ, chi phí và thời gian cho người dân, doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu và đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình cắt giảm TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công

- Rà soát, cập nhật, công bố, công khai đầy đủ TTHC; giải quyết hồ sơ không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Xây dựng, nâng cấp và vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung, tích hợp, liên thông trên Cổng dịch vụ công.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với TTHC; triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Rà soát, sắp xếp tinh gọn đầu mối tổ chức bên trong của các bộ,

cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

b) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, xóa cơ chế “xin - cho”, tăng trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm việc thực thi hiệu quả.

c) Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý nhà nước để nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trọng tâm vào các lĩnh vực: tài chính - ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

d) Rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025.

b) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật để triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 205-KL/TW ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ. Nghiên cứu, xây dựng CSDL quốc gia về nhân tài Việt Nam; có cơ chế theo dõi, đánh giá, sàng lọc thường xuyên, công khai, minh bạch.

c) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm.

e) Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện cơ chế tài chính, bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan.

b) Tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

c) Tập trung hoàn thiện thể chế về đổi mới cơ chế tài chính tại các ĐVSNCL, gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường; chuyển đổi các ĐVSNCL đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn về chi đầu tư, chi thường xuyên.

d) Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Triển khai quyết liệt việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

6. Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản QPPL quy định chi tiết để tổ chức thi hành có hiệu quả Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng.

- Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số cấp bộ, cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

- Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực.

- Ban hành hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của các bộ, ngành, địa phương.

b) Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng phục vụ cho phát triển Chính phủ số

- Xây dựng, nâng cấp, đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành và các CSDL dùng chung, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, thống nhất, đồng bộ, kết nối, chia sẻ, liên thông.

- Xây dựng, hoàn thiện, quản lý, vận hành có hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm thông suốt, an toàn, bảo mật dữ liệu, hỗ trợ phát triển Chính phủ số.

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác, sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, trọng tâm là lĩnh vực pháp luật, giáo dục, y tế, đất đai. Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác.

- Phát triển các ứng dụng, nền tảng số quy mô cấp bộ, cấp tỉnh và quy mô quốc gia, giúp nâng cao hiệu quả quản trị, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động công vụ và xã hội. Tiếp tục nâng cấp, hoàn

thiện hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp được hưởng các dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hay địa giới hành chính.

- Nâng cấp các tính năng, tích hợp các công cụ trợ lý ảo, tiện ích thông minh để triển khai Cổng dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu là một Cổng duy nhất trên toàn quốc phục vụ thực hiện TTHC, DVC cho người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

PHẦN IV: BỘ CÂU HỎI - ĐÁP TÌM HIỂU VỀ KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026
của Thủ tướng Chính phủ)*

Câu 1: Số hiệu chính xác của Quyết định ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 là gì?

Trả lời: Quyết định số 282/QĐ-TTg

Câu 2: Quyết định số 282/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được ban hành vào ngày, tháng, năm nào?

Trả lời: Ngày 12 tháng 02 năm 2026

Câu 3: Mục tiêu của Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ tập trung vào nội dung trọng tâm nào?

Trả lời: Tiếp tục quán triệt, thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 4: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2026 - 2027 tỷ lệ người dân và doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng DVC trực tuyến phải đạt chỉ tiêu bao nhiêu?

Trả lời: 95%

Câu 5: Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ tiêu về tỷ lệ cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia giai đoạn 2026 - 2027 là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 6: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, đến giai đoạn 2028 - 2030, mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) phải đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 95%

Câu 7: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu về giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đến năm 2030 được xác định đạt mức nào so với GDP?

Trả lời: Đạt 30 lần GDP

Câu 8: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, xếp hạng về phát triển Chính phủ điện

tử, Chính phủ số của Việt Nam theo đánh giá của Liên hợp quốc đến năm 2030 mục tiêu đạt vị trí nào?

Trả lời: Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á và nhóm 50 nước dẫn đầu thế giới.

Câu 9: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2026 - 2027, tỷ lệ bộ, ngành, địa phương đạt mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu cấp độ 3 yêu cầu đạt:

Trả lời: 100%

Câu 10: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ tiêu về mức độ hài lòng đối với giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư trong giai đoạn 2028 - 2030 phải đạt tối thiểu:

Trả lời: 90%

Câu 11: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, theo Phụ lục I, tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử trong giai đoạn 2026 - 2027 phải đạt mức nào?

Trả lời: 100%

Câu 12: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, giai đoạn 2028 - 2030, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, DVC phải đạt bao nhiêu?

Trả lời: 90%

Câu 13: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ; nội dung nào sau đây được xác định là “đột phá của đột phá” trong cải cách thể chế giai đoạn 2026 - 2030?

Trả lời: Tiếp tục đột phá xây dựng và hoàn thiện thể chế, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển.

Câu 14: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ; yêu cầu rà soát, hoàn thiện thể chế về vấn đề gì để bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng?

Trả lời: Thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế.

Câu 15: Nhiệm vụ trọng tâm nào trong hoàn thiện hệ thống pháp luật theo Quyết định 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời: Kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước.

Câu 16: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào được giao chủ trì nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế giai đoạn 2026 - 2030?

Trả lời: Bộ Tài chính

Câu 17: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu của việc tạo đột phá trong tổ chức thi hành pháp luật là gì?

Trả lời: Bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả.

Câu 18: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu phát huy vai trò của tổ chức nào trong giám sát thi hành pháp luật?

Trả lời: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Câu 19: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, việc đổi mới quy trình lập pháp, lập quy yêu cầu tăng cường tham vấn ý kiến của đối tượng nào?

Trả lời: Các chuyên gia, tổ chức và người dân.

Câu 20: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ rà soát, sửa đổi Luật Đất đai

và các văn bản hướng dẫn nhằm kiểm soát biến động giá đất (tại Phụ lục II) được giao cho cơ quan nào chủ trì?

Trả lời: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Câu 21: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nguyên tắc kiểm soát chặt chẽ quy định TTHC ngay từ khâu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật là gì?

Trả lời: Bảo đảm TTHC mới ban hành phải thực sự cần thiết, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Câu 22: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ “rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC” phải được thực hiện dựa trên cơ sở nào?

Trả lời: Gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu.

Câu 23: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào chủ trì nhiệm vụ “Triển khai Cổng dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu là một Cổng duy nhất trên toàn quốc để thực hiện TTHC”?

Trả lời: Bộ Công an

Câu 24: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, một trong những nhiệm vụ trọng tâm về giải quyết TTHC giai đoạn 2026 - 2030 là thực hiện theo hướng:

Trả lời: Không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình.

Câu 25: Yêu cầu về số hóa kết quả giải quyết TTHC theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ như thế nào?

Trả lời: Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định.

Câu 26: Để nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, Kế hoạch tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu như thế nào?

Trả lời: Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các TTHC.

Câu 27: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, để đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước cần phải làm gì?

Trả lời: Tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu và nâng cao năng suất lao động.

Câu 28: Kế hoạch tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp DVC thông qua phương thức nào?

Trả lời: Mở rộng hạ tầng, tiện ích thanh toán điện tử.

Câu 29: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào chủ trì tổ chức triển khai việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ?

Trả lời: Bộ Tư pháp

Câu 30: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, việc kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết TTHC phải được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Tăng cường theo kế hoạch hàng năm hoặc đột xuất.

Câu 31: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu của việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước như thế nào?

Trả lời: Khắc phục tình trạng chồng chéo, sắp xếp tinh gọn các đầu mối.

Câu 32: Kế hoạch ban hành tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh nội dung nào sau đây?

Trả lời: Phân cấp, phân quyền đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, xóa cơ chế “xin - cho”.

Câu 33: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để thực hiện sắp xếp các đơn vị nào?

Trả lời: Đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

Câu 34: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào chịu trách nhiệm chủ trì triển khai các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy?

Trả lời: Bộ Nội vụ

Câu 35: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (Phụ lục II) do ai thực hiện?

Trả lời: Các địa phương thực hiện theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

Câu 36: Nội dung trọng tâm về thí điểm mô hình tổ chức chính quyền địa phương trong Kế hoạch tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ?

Trả lời: Vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả.

Câu 37: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phải gắn liền với điều kiện nào?

Trả lời: Gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát.

Câu 38: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, theo lộ trình tại Phụ lục II, nhiệm vụ sơ kết việc triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp phải hoàn thành vào năm nào?

Trả lời: Năm 2027

Câu 39: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ then chốt trong cải cách chế độ công vụ giai đoạn 2026 - 2030 là:

Trả lời: Xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.

Câu 40: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, chế độ tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức yêu cầu như thế nào?

Trả lời: Cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ.

Câu 41: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được yêu cầu đổi mới theo hướng nào?

Trả lời: Tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực.

Câu 42: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng “Cơ sở dữ liệu quốc gia về nhân tài Việt Nam” được giao cho cơ quan nào chủ trì?

Trả lời: Bộ Nội vụ

Câu 43: Để nâng cao hiệu quả hoạt động công vụ, Kế hoạch tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh việc tăng cường như thế nào?

Trả lời: Kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng.

Câu 44: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, theo Phụ lục II, cơ quan nào chủ trì nhiệm vụ xây dựng, ban hành Nghị định về kiểm soát tài sản của người có chức vụ, quyền hạn (hoàn thành tháng 6/2026)?

Trả lời: Thanh tra Chính phủ

Câu 45: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào chủ trì bồi dưỡng kỹ năng số, công nghệ cơ bản cho cán bộ, công chức để thực hiện chuyển đổi số quốc gia?

Trả lời: Bộ Khoa học và Công nghệ

Câu 46: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trong giai đoạn 2028 - 2030 là gì?

Trả lời: Đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

Câu 47: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nội dung trọng tâm trong cải cách tài chính công là tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về vấn đề gì?

Trả lời: Cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí.

Câu 48: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong những lĩnh vực nào?

Trả lời: Y tế, giáo dục và đào tạo...

Câu 49: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, việc quản lý, sử dụng tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy yêu cầu triển khai như thế nào?

Trả lời: Quyết liệt bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công để sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

Câu 50: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào chủ trì nghiên cứu, đề xuất giải pháp tiếp tục đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước?

Trả lời: Bộ Tài chính

Câu 51: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ hướng dẫn lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số dùng ngân sách nhà nước (hoàn thành tháng 12/2026) được giao cho:

Trả lời: Bộ Khoa học và Công nghệ

Câu 52: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, việc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhằm mục đích:

Trả lời: Làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công.

Câu 53: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu các địa phương ưu tiên bố trí đủ kinh phí cho nhiệm vụ thường xuyên nào?

Trả lời: Số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị và cải tạo cơ sở vật chất.

Câu 54: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, chuyển đổi các ĐVSNCL đủ điều kiện sang mô hình nào để nâng cao hiệu quả quản trị?

Trả lời: Mô hình doanh nghiệp.

Câu 55: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ xây dựng các văn bản QPPL quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo (năm 2026) do cơ quan nào chủ trì?

Trả lời: Bộ Khoa học và Công nghệ

Câu 56: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu xây dựng và tổ chức triển khai

ứng dụng công nghệ nào vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của cơ quan nhà nước?

Trả lời: Trợ lý ảo

Câu 57: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nguyên tắc cốt lõi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước như thế nào?

Trả lời: Bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

Câu 58: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào chủ trì xây dựng Trung tâm Dữ liệu quốc gia và nền tảng điện toán đám mây thống nhất?

Trả lời: Bộ Công an

Câu 59: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của DVC đạt bao nhiêu %?

Trả lời: 80%

Câu 60: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh phải được xây dựng đồng bộ theo mô hình nào?

Trả lời: Mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Câu 61: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ phát triển các ứng dụng, nền tảng số quy mô cấp bộ, cấp tỉnh và quy mô quốc gia nhằm mục đích gì?

Trả lời: Giúp nâng cao hiệu quả quản trị, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động quản lý nhà nước.

Câu 62: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu tập trung số hóa dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, trọng tâm ở các lĩnh vực nào?

Trả lời: Tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

Câu 63: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ tiêu 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn được xác định hoàn thành vào giai đoạn nào?

Trả lời: 2028 - 2030

Câu 64: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào chủ trì phát triển Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (EMC)?

Trả lời: Bộ Khoa học và Công nghệ

Câu 65: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan nào giữ vai trò là cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ?

Trả lời: Bộ Nội vụ

Câu 66: Trách nhiệm chính của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện Kế hoạch tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ như thế nào?

Trả lời: Chủ động chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

Câu 67: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ có trách nhiệm chủ trì triển khai xác định các chỉ số nào định kỳ hàng năm?

Trả lời: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

Câu 68: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, chế độ báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC được quy định như thế nào?

Trả lời: Báo cáo sơ kết, tổng kết và báo cáo định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Câu 69: Tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, việc thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí triển khai các nhiệm vụ CCHC thuộc trách nhiệm của cơ quan nào?

Trả lời: Bộ Tài chính.

**PHẦN V: BỘ CÂU HỎI - ĐÁP TÌM HIỂU VỀ KẾ HOẠCH
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN
2026 - 2030**

*(Theo Kế hoạch số 3664/KH-UBND ngày 20/3/2026 của UBND
tỉnh Lâm Đồng)*

Câu 1: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, đối tượng nào được xác định là “trung tâm phục vụ”?

Trả lời: Người dân và doanh nghiệp.

Câu 2: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, “Thước đo” để đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, bao gồm các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu là gì?

Trả lời: Sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Câu 3: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu tổng quát đến năm 2030, tỉnh Lâm Đồng phấn đấu mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 95%.

Câu 4: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, nền hành chính tỉnh Lâm Đồng hướng đến mục tiêu nào sau đây vào năm 2030?

Trả lời: Hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

Câu 5: Yêu cầu về tính triển khai của Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng được quy định như thế nào?

Trả lời: Triển khai đồng bộ, toàn diện và thống nhất, bảo đảm thực chất, hiệu quả và có kiểm soát.

Câu 6: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu về sự kế thừa và đổi mới như thế nào?

Trả lời: Kế thừa kinh nghiệm giai đoạn trước, bảo đảm luôn có sự đổi mới, sáng tạo trong từng năm của giai đoạn mới.

Câu 7: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC được gắn trực tiếp với đối tượng nào?

Trả lời: Người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị.

Câu 8: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, kết quả, hiệu quả CCHC được sử dụng làm tiêu chí để thực hiện các công tác nào đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp?

Trả lời: Đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm.

Câu 9: Theo Phụ lục VII, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tần suất tham mưu UBND tỉnh công bố Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) đối với các số, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu là bao lâu?

Trả lời: Định kỳ hằng tháng.

Câu 10: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính các cấp phải được công bố vào thời điểm nào hằng tháng?

Trả lời: Trước ngày 05 của tháng liền kề.

Câu 11: Chủ đề của Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng là gì?

Trả lời: Tăng cường kỷ cương, đổi mới sáng tạo, chủ động thích ứng, đột phá phát triển.

Câu 12: Lĩnh vực đột phá của tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn 2026 - 2030 được xác định là gì?

Trả lời: Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

Câu 13: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, công nghệ trọng tâm nào được xác định sẽ ứng dụng sâu rộng để mang lại hiệu quả rõ nét trong công tác CCHC?

Trả lời: Trí tuệ nhân tạo (AI).

Câu 14: Kế hoạch CCHC tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030 căn cứ trực tiếp vào Nghị quyết nào của Chính phủ?

Trả lời: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021.

Câu 15: Văn bản nào của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021 - 2030 là căn cứ của Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng?

Trả lời: Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021

Câu 16: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, việc tập trung ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm mục đích cốt lõi gì?

Trả lời: Mang lại hiệu quả rõ nét trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Câu 17: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng có số hiệu văn bản là gì?

Trả lời: Số 3664/KH-UBND.

Câu 18: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Lâm Đồng ban hành ngày, tháng, năm nào?

Trả lời: Ngày 20 tháng 3 năm 2026.

Câu 19: Cơ quan nào có trách nhiệm ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng?

Trả lời: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Câu 20: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu về tỷ lệ văn bản QPPL được cập nhật trên CSDL quốc gia về pháp luật kịp thời, đúng quy định là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 21: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị được xử lý kịp thời, đúng quy định phải đạt chỉ tiêu bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 22: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai ứng dụng AI trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh?

Trả lời: Sở Tư pháp.

Câu 23: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, thời hạn định kỳ thực hiện công bố danh mục văn

bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực theo thẩm quyền được quy định như thế nào?

Trả lời: Trước ngày 31/01 năm liền kề.

Câu 24: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ “Thực hiện đăng tải, cập nhật văn bản QPPL lên CSDL quốc gia” tại Phụ lục I là gì?

Trả lời: Văn bản QPPL của HĐND tỉnh thông qua và UBND tỉnh ban hành được thể hiện trên hệ thống CSDL quốc gia về văn bản pháp luật.

Câu 25: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với các dự thảo văn bản QPPL cấp tỉnh, cấp xã được yêu cầu thực hiện qua môi trường nào?

Trả lời: Qua môi trường số

Câu 26: Theo Phụ lục I, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, nhiệm vụ “Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL” được thực hiện với tần suất như thế nào?

Trả lời: Hằng năm

Câu 27: Theo Phụ lục I, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh triển khai ứng dụng AI trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì dự kiến hoàn thành vào năm nào?

Trả lời: Năm 2026

Câu 28: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chịu trách nhiệm “Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc” đối với tất cả các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Cải cách thể chế tại Phụ lục I?

Trả lời: Sở Tư pháp

Câu 29: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào phối hợp với Sở Tư pháp để triển khai ứng dụng AI trong công tác phổ biến pháp luật theo Phụ lục I?

Trả lời: Sở Khoa học và Công nghệ

Câu 30: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận hằng năm được giải quyết trước và đúng hạn phải đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 98%

Câu 31: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ hồ sơ TTHC trễ hạn phải thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức theo đúng quy định là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 32: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung gì?

Trả lời: Công bố TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính.

Câu 33: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai tích hợp ứng dụng AI hỗ trợ tra cứu, hỏi đáp thông tin liên quan đến TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh?

Trả lời: Văn phòng UBND tỉnh

Câu 34: Kết quả đánh giá Bộ chỉ số theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được công khai với tần suất như thế nào trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương?

Trả lời: Định kỳ hằng tháng

Câu 35: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, 100% TTHC phải được tiếp nhận và trả kết quả tại bộ

phận Một cửa các cấp, trừ các trường hợp được quy định tại văn bản nào?

Trả lời: Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

Câu 36: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương phải tổ chức rà soát, theo dõi tình hình giải quyết TTHC để chấn chỉnh hồ sơ trễ hẹn với tần suất như thế nào?

Trả lời: Định kỳ hằng tuần

Câu 37: Triển khai TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính theo Quyết định 1441/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh bao gồm những cơ quan nào?

Trả lời: Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu.

Câu 38: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chủ trì tổ chức thanh tra trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp nhận và giải quyết TTHC?

Trả lời: Thanh tra tỉnh

Câu 39: Theo Phụ lục II của Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Lâm Đồng, sản phẩm của nhiệm vụ “Rà soát, đánh giá TTHC hằng năm” là gì?

Trả lời: Kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính hằng năm.

Câu 40: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức kịp thời, đúng quy định là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 41: Văn bản nào quy định về phương án tổng thể sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Lâm Đồng?

Trả lời: Phương án số 7178/PA-UBND ngày 14/11/2025.

Câu 42: Yêu cầu về việc sử dụng biên chế hành chính và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách trong các đơn vị sự nghiệp công lập là gì?

Trả lời: Sử dụng không vượt quá số lượng được giao.

Câu 43: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 44: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chịu trách nhiệm “Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc” việc rà soát chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị?

Trả lời: Sở Nội vụ

Câu 45: Thời gian hoàn thành việc rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu là bao lâu kể từ khi có văn bản của Trung ương hoặc Quyết định liên quan của cơ quan có thẩm quyền?

Trả lời: Sau 03 tháng

Câu 46: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ “Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn” là gì?

Trả lời: Hồ sơ trình hoặc Quyết định ban hành/sửa đổi bổ sung Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức.

Câu 47: Sở Nội vụ phối hợp với cơ quan nào để rà soát bảo đảm cơ cấu số lượng lãnh đạo đáp ứng tiêu chí theo quy định?

Trả lời: Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Câu 48: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu của việc kiểm tra thực hiện nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền giữa cấp tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu là gì?

Trả lời: Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra thường xuyên và kịp thời xử lý vấn đề phát sinh.

Câu 49: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu 100% cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành việc sắp xếp lãnh đạo đáp ứng tiêu chí theo quy định phải đạt được vào thời gian nào?

Trả lời: Định kỳ hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030.

Câu 50: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt phải đạt chỉ tiêu bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 51: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được hoàn thành trong năm phải đạt bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 52: Theo Phụ lục IV, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, thời hạn ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của tỉnh là khi nào?

Trả lời: Chậm nhất ngày 31/12 năm trước liền kề.

Câu 53: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, đối tượng nào được nhấn mạnh phải “nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ” trong thực thi công vụ?

Trả lời: Cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu.

Câu 54: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, việc xử lý những người có sai phạm trong thực thi công vụ được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Xử lý nghiêm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Câu 55: Cơ quan nào chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của tỉnh?

Trả lời: Sở Nội vụ.

Câu 56: Theo Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt tại các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 57: Việc rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan nào?

Trả lời: Các bộ, ngành Trung ương

Câu 58: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, chỉ tiêu về tỷ lệ lãnh đạo, quản lý các cấp được bổ nhiệm đúng quy định là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 59: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, sản phẩm của nhiệm vụ “Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính” là gì?

Trả lời: 100% cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương, không có vi phạm phải xử lý kỷ luật.

Câu 60: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm phần đầu đạt mức nào?

Trả lời: Đạt trên 90% kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao.

Câu 61: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, chỉ tiêu 100% cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị của cơ quan nào về tài chính, ngân sách?

Trả lời: Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước.

Câu 62: Lộ trình giảm chi trực tiếp ngân sách cho ĐVSNCL thực hiện theo quy định tại văn bản nào?

Trả lời: Khoản 4 Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021.

Câu 63: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tất cả các nhiệm vụ Cải cách tài chính công tại Mục V Phụ lục?

Trả lời: Sở Tài chính

Câu 64: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, địa phương là gì?

Trả lời: 100% thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

Câu 65: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, sản phẩm của nhiệm vụ “Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy mạnh tăng thu ngân sách nhà nước” là gì?

Trả lời: Báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị.

Câu 66: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, việc bố trí kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ trực tiếp từ ngân sách hằng năm cho ĐVSNCL thực hiện theo hướng nào?

Trả lời: Giảm chi theo phương án tự chủ tài chính đã được phê duyệt và theo lộ trình quy định.

Câu 67: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, khi chưa thực hiện được các kết luận, kiến nghị kiểm toán, thanh tra, cơ quan đơn vị phải thực hiện nội dung gì?

Trả lời: Kịp thời làm rõ nguyên nhân chưa thực hiện kiến nghị đề có biện pháp xử lý, xem xét, giải quyết.

Câu 68: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước và phân phối kết quả tài chính tại các ĐVSNCL là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 69: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, chi trực tiếp ngân sách cho ĐVSNCL hằng năm được yêu cầu thay đổi như thế nào?

Trả lời: Giảm so với năm trước liền kề.

Câu 70: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu tỷ lệ văn bản được ký số tại tỉnh Lâm Đồng đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 95%

Câu 71: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC các cấp đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 90%

Câu 72: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 90%

Câu 73: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của DVC đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 90%

Câu 74: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mốc thời gian hoàn thành và đưa Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Lâm Đồng vào hoạt động là khi nào?

Trả lời: Quý I năm 2026.

Câu 75: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai ứng dụng AI trong công tác giám sát an ninh mạng?

Trả lời: Công an tỉnh.

Câu 76: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc các cấp được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ mật) là bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 77: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh Lâm Đồng được yêu cầu triển khai trên nền tảng nào để bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định?

Trả lời: Điện toán đám mây.

Câu 78: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào được giao chủ trì, tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai các ứng dụng AI trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp thực tiễn và lộ trình chuyển đổi số?

Trả lời: Sở Khoa học và Công nghệ.

Câu 79: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tỷ lệ các biểu mẫu báo cáo định kỳ của cấp tỉnh, cấp sở và cấp xã được tạo từ e-form (biểu mẫu điện tử) là bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 80: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, đơn vị nào được giao nghiên cứu, phát huy vai trò trong tuyên truyền, hỗ trợ người dân tại địa bàn dân cư thực hiện DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến, chứng thực điện tử khi giải quyết TTHC?

Trả lời: Tổ Công nghệ số cộng đồng.

Câu 81: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, yêu cầu về thông tin, dữ liệu trên Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử của tỉnh là gì?

Trả lời: Được cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu.

Câu 82: Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành bộ chỉ số nội dung gì?

Trả lời: Chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử.

Câu 83: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, mục tiêu khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa các cấp đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 90%.

Câu 84: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chủ trì tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của tỉnh?

Trả lời: Sở Khoa học và Công nghệ.

Câu 85: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, cơ quan nào chủ trì thường xuyên rà soát, cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh bảo đảm kịp thời, đúng quy định?

Trả lời: Sở Khoa học và Công nghệ.

Câu 86: Thời gian hoàn thành việc ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu là khi nào?

Trả lời: Chậm nhất ngày 15/4/2026.

Câu 87: Cơ quan nào có trách nhiệm giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc chung việc thực hiện Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của toàn tỉnh?

Trả lời: Sở Nội vụ.

Câu 88: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, tần suất tham mưu UBND tỉnh đánh giá, công bố Chỉ số CCHC đối với các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu là bao lâu?

Trả lời: Hằng tháng.

Câu 89: Thời hạn báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế phát hiện qua tự kiểm tra CCHC hằng năm của các cơ quan, đơn vị là khi nào?

Trả lời: Chậm nhất trong tháng 8 hằng năm.

Câu 90: Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương phải có ít nhất bao nhiêu sáng kiến/mô hình/giải pháp về CCHC mỗi năm?

Trả lời: Ít nhất 01 sáng kiến/mô hình/giải pháp.

Câu 91: Thời hạn báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến, mô hình, giải pháp CCHC về Sở Nội vụ hằng năm là khi nào?

Trả lời: Chậm nhất trong tháng 9 hằng năm.

Câu 92: Việc ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC và Kế hoạch tuyên truyền CCHC hằng năm của tỉnh phải hoàn thành vào thời gian nào?

Trả lời: Tháng 01 hằng năm.

Câu 93: Hội nghị tổng kết công tác CCHC hằng năm và giai đoạn 2026 - 2030 do cơ quan nào chủ trì tham mưu?

Trả lời: Sở Nội vụ.

Câu 94: Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030 được bố trí từ nguồn nào?

Trả lời: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Câu 95: Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Lâm Đồng, sản phẩm triển khai áp dụng phần mềm, giải pháp công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ nào trong công tác CCHC?

Trả lời: Chấm điểm CCHC; khảo sát ý kiến cán bộ, công chức; khảo sát sự hài lòng của người dân; tuyên truyền và thi CCHC.

**PHẦN VI: BỘ CÂU HỎI - ĐÁP TÌM HIỂU VỀ KẾ HOẠCH
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2026**

(Theo Kế hoạch số 9669/KH-UBND ngày 4/12/2025

của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Câu 1: Số hiệu của Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2026 của tỉnh Lâm Đồng là gì?

Trả lời: Kế hoạch số 9669/KH-UBND.

Câu 2: Chủ đề xuyên suốt công tác CCHC năm 2026 của tỉnh Lâm Đồng là gì?

Trả lời: “Tăng cường kỷ cương, đổi mới sáng tạo, chủ động thích ứng, đột phá phát triển”.

Câu 3: Lĩnh vực đột phá được UBND tỉnh xác định tập trung thực hiện trong năm 2026 là gì?

Trả lời: Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, tập trung ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI).

Câu 4: Công nghệ nào được xác định sẽ ứng dụng sâu rộng để mang lại hiệu quả rõ nét trong CCHC năm 2026?

Trả lời: Trí tuệ nhân tạo (AI).

Câu 5: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND, thước đo để đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước là gì?

Trả lời: Sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Câu 6: Nội dung nào sau đây được xác định có tính chất quyết định để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ CCHC năm 2026 của tỉnh?

Trả lời: Việc bố trí đủ nguồn lực và kinh phí thực hiện.

Câu 7: Kết quả CCHC năm 2026 được sử dụng làm căn cứ quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của ai?

Trả lời: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

Câu 8: Đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi gây những nhiễu, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh yêu cầu xử lý như thế nào?

Trả lời: Thay thế ngay những người có hành vi vi phạm.

Câu 9: Công tác CCHC năm 2026 của tỉnh Lâm Đồng được xác định là nhiệm vụ có tính chất:

Trả lời: Thường xuyên và cấp bách.

Câu 10: Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh Lâm Đồng là gì?

Trả lời: Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra.

Câu 11: Căn cứ pháp lý nào quy định về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh tại Lâm Đồng được nêu trong Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh?

Trả lời: Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Câu 12: Trách nhiệm thực hiện công tác CCHC được xác định thuộc về đối tượng nào?

Trả lời: Cả hệ thống chính trị.

Câu 13: Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh yêu cầu siết chặt nội dung nào trong thực thi công vụ năm 2026?

Trả lời: Kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Câu 14: Việc đánh giá kết quả CCHC năm 2026 tại Lâm Đồng phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

Trả lời: Toàn diện, khách quan, công bằng, kịp thời, đa chiều.

Câu 15: Một trong những yêu cầu đối với việc kiểm tra, giám sát CCHC trong năm 2026 là gì?

Trả lời: Thường xuyên kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Câu 16: Mục đích của việc nhân rộng các sáng kiến, mô hình mới về CCHC năm 2026 là gì?

Trả lời: Tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện CCHC tại các cơ quan, địa phương.

Câu 17: Nội dung tuyên truyền CCHC theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh cần được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Đa dạng hình thức, nội dung phong phú và phù hợp với từng nhóm đối tượng, cơ quan, đơn vị.

Câu 18: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh việc xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu dựa trên yếu tố nào?

Trả lời: Sự hài lòng của người dân và kết quả CCHC của đơn vị.

Câu 19: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, mục tiêu cập nhật văn bản QPPL trên CSDL quốc gia về pháp luật là:

Trả lời: 100% văn bản được cập nhật kịp thời, đúng quy định.

Câu 20: Tỷ lệ văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị được xử lý kịp thời, đúng quy định theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh là bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 21: Chỉ tiêu kiểm tra văn bản QPPL theo quy định trong năm 2026 đạt tỷ lệ:

Trả lời: 100%.

Câu 22: Nhiệm vụ “đột phá” trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh năm 2026 như thế nào?

Trả lời: Triển khai ứng dụng AI hỗ trợ phổ biến, giáo dục pháp luật.

Câu 23: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, cơ quan nào chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai ứng dụng AI, tờ rơi, tờ gấp và infographic trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật?

Trả lời: Sở Tư pháp.

Câu 24: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, thời hạn hoàn thành công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực hằng năm là khi nào?

Trả lời: Trước ngày 31/01 của năm liền kề.

Câu 25: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, việc lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản pháp luật được thực hiện qua đâu?

Trả lời: Qua môi trường số.

Câu 26: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh phải được đăng tải, cập nhật trên CSDL quốc gia về pháp luật khi nào?

Trả lời: Ngay khi văn bản được thông qua/ban hành.

Câu 27: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL phải được thực hiện với tần suất:

Trả lời: Thường xuyên.

Câu 28: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc nhiệm vụ nào sau đây?

Trả lời: Cải cách thủ tục.

Câu 29: Chỉ tiêu hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm 2026 theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, được giải quyết trước và đúng hạn tối thiểu là:

Trả lời: 98%.

Câu 30: Nguyên tắc xử lý đối với hồ sơ TTHC trễ hạn theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh là gì?

Trả lời: 100% hồ sơ trễ hạn thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức theo đúng quy định.

Câu 31: Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được triển khai thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh như thế nào?

Trả lời: 100%.

Câu 32: Ứng dụng AI trong cải cách TTHC năm 2026 tập trung chủ yếu vào nội dung nào?

Trả lời: Hỗ trợ tra cứu, hỏi đáp thông tin liên quan đến TTHC.

Câu 33: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải tổ chức rà soát, theo dõi tình hình giải quyết TTHC với tần suất nào để chấn chỉnh hồ sơ trễ hẹn?

Trả lời: Định kỳ hằng tuần.

Câu 34: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC các cấp được đồng bộ đầy đủ, kịp thời trên Cổng dịch vụ công quốc gia là bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 35: Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng quy định về nội dung gì?

Trả lời: Công bố TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính.

Câu 36: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC được xử lý và công khai kết quả đúng quy định là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 37: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC tại bộ phận một cửa các cấp phải đảm bảo nguyên tắc như thế nào?

Trả lời: 100% hồ sơ phải được tiếp nhận tại bộ phận một cửa và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

Câu 38: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nào sau đây trong quy trình xử lý hồ sơ điện tử?

Trả lời: Tác động làm sai lệch quy trình hoặc kết thúc quy trình xử lý hồ sơ điện tử trước khi có kết quả giải quyết TTHC.

Câu 39: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 40: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, mục tiêu về sắp xếp lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đáp ứng tiêu chí theo quy định đạt tỷ lệ bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 41: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, yêu cầu về quản lý biên chế hành chính và số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách trong năm 2026 như thế nào?

Trả lời: Sử dụng không vượt quá số lượng được giao.

Câu 42: Tỷ lệ các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được xử lý/kiến nghị xử lý là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 43: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, nội dung cải cách tổ chức bộ máy nhấn mạnh việc rà soát, sửa đổi các quy định về phân cấp, phân quyền giữa các cấp nào trên địa bàn tỉnh?

Trả lời: Giữa cấp tỉnh và cấp xã.

Câu 44: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, cơ quan nào chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước?

Trả lời: Sở Nội vụ.

Câu 45: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, việc tinh giản biên chế năm 2026 phải đảm bảo phù hợp với yếu tố nào?

Trả lời: Cơ cấu vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc.

Câu 46: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, mục tiêu thực hiện sắp xếp, kiện toàn ĐVSNCL nhằm mục đích gì?

Trả lời: Sắp xếp, kiện toàn theo đúng quy định và phương án đã được phê duyệt.

Câu 47: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, chỉ tiêu các cơ quan, tổ chức hành chính bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt tỷ lệ là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 48: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ lãnh đạo, quản lý các cấp được bổ nhiệm đúng quy định đạt bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 49: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, chỉ tiêu hoàn thành đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm 2026 là bao nhiêu?

Trả lời: 100% chỉ tiêu, nhiệm vụ.

Câu 50: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, thời hạn ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026 của tỉnh là bao nhiêu?

Trả lời: Chậm nhất là ngày 31/12/2025.

Câu 51: Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, yêu cầu xử lý những người có sai phạm trong thực thi công vụ như thế nào?

Trả lời: Xử lý nghiêm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Câu 52: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, nội dung trọng tâm trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2026 như thế nào?

Trả lời: Đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh.

Câu 53: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, việc rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm của cơ quan hành chính và ĐVSNCL thực hiện theo quy định nào?

Trả lời: Hướng dẫn của Trung ương.

Câu 54: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, đối tượng nào được nhấn mạnh phải “nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương” và “đề cao trách nhiệm” trong thực thi công vụ?

Trả lời: Tất cả cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu.

Câu 55: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ ĐVSNCL bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt là bao nhiêu?

Trả lời: 100%

Câu 56: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, cơ quan nào chủ trì tham mưu về cải cách chế độ công vụ tại tỉnh Lâm Đồng?

Trả lời: Sở Nội vụ.

Câu 57: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 đạt bao nhiêu?

Trả lời: Trên 90%.

Câu 58: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, chỉ tiêu thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách là:

Trả lời: 100%.

Câu 59: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đạt bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 60: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, lộ trình chi trực tiếp ngân sách cho ĐVSNCL trong năm 2026 được yêu cầu như thế nào?

Trả lời: Giảm chi trực tiếp ngân sách so với năm trước liền kề.

Câu 61: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, việc bố trí kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ cho ĐVSNCL năm 2026 được thực hiện theo quy định nào?

Trả lời: Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Câu 62: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, một trong những mục tiêu về tài chính công năm 2026 là như thế nào?

Trả lời: Có thêm đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Câu 63: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, khi chưa thực hiện được các kiến nghị kiểm toán, thanh tra, cơ quan đơn vị phải làm gì?

Trả lời: Kịp thời làm rõ nguyên nhân chưa thực hiện để có biện pháp xử lý.

Câu 64: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng quy định về việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước năm 2026 đạt bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 65: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, nội dung nào cần được rà soát thường xuyên để đảm bảo quản lý tài chính hiệu quả?

Trả lời: Các quy định của pháp luật về sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện phù hợp, tiết kiệm.

Câu 66: Tỷ lệ các biểu mẫu báo cáo định kỳ của cấp tỉnh, cấp xã được tạo từ e-form trong năm 2026 là bao nhiêu?

Trả lời: 80%.

Câu 67: Chỉ tiêu văn bản được ký số tại các cơ quan nhà nước tỉnh Lâm Đồng trong năm 2026 là bao nhiêu?

Trả lời: Từ trên 70%.

Câu 68: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, thời hạn hoàn thành và đưa Trung tâm IOC vào hoạt động thời gian nào?

Trả lời: Quý I năm 2026.

Câu 69: Chỉ tiêu tối thiểu về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của các cấp năm 2026 đạt bao nhiêu?

Trả lời: 80%.

Câu 70: Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa của các cấp năm 2026 đạt tối thiểu bao nhiêu?

Trả lời: 50%.

Câu 71: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu là bao nhiêu?

Trả lời: 80%.

Câu 72: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch đạt tối thiểu là bao nhiêu?

Trả lời: 90%.

Câu 73: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc các cấp (trừ hồ sơ mật) được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử là bao nhiêu

Trả lời: 100%.

Câu 74: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, yêu cầu về sử dụng dịch vụ điện toán đám mây cho các hệ thống thông tin dùng chung đạt tỷ lệ là bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 75: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, tỷ lệ dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức đạt bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 76: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, cơ quan nào chủ trì tham mưu ứng dụng AI trong công tác giám sát an ninh mạng?

Trả lời: Công an tỉnh.

Câu 77: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng được phát huy trong công tác nào?

Trả lời: Tuyên truyền, hỗ trợ người dân thực hiện DVC và thanh toán trực tuyến.

Câu 78: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, mục tiêu kết nối dữ liệu của tỉnh với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ đạt tỷ lệ bao nhiêu?

Trả lời: 100%.

Câu 79: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, chức năng chính của ứng dụng AI được tích hợp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng là gì?

Trả lời: Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, cán bộ tra cứu, hỏi đáp thông tin liên quan TTHC.

Câu 80: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, cơ quan nào chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu lộ trình chuyển đổi số và khả năng triển khai AI đồng bộ trên địa bàn tỉnh?

Trả lời: Sở Khoa học và Công nghệ.

Câu 81: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, chậm nhất là ngày nào các sở, ban, ngành và địa phương phải ban hành kế hoạch CCHC của đơn vị mình?

Trả lời: Ngày 15/01/2026.

Câu 82: Cơ quan nào chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2026?

Trả lời: Sở Nội vụ.

Câu 83: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành được công khai định kỳ hằng tháng trên phương tiện nào?

Trả lời: Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị.

Câu 84: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, thời hạn công khai kết quả Chỉ số CCHC hằng tháng của các sở, ngành và UBND cấp xã thời gian nào?

Trả lời: Trước ngày 05 của tháng liền kề.

Câu 85: Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2026 được bố trí từ đâu?

Trả lời: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

Câu 86: Cơ quan nào chủ trì tham mưu ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2026?

Trả lời: Sở Nội vụ.

Câu 87: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, việc công khai danh sách cán bộ, công chức, viên chức để xảy ra chậm trễ hồ sơ TTHC được căn cứ theo văn bản nào?

Trả lời: Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022.

Câu 88: Chỉ tiêu về sáng kiến/mô hình/giải pháp CCHC đối với mỗi cơ quan, đơn vị trong năm 2026 ?

Trả lời: Phải có ít nhất 01 sáng kiến/mô hình.

Câu 89: Thời hạn chậm nhất để báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra CCHC?

Trả lời: Tháng 8/2026.

Câu 90: Cơ quan nào chủ trì tham mưu công bố chỉ số mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính các cấp năm 2026?

Trả lời: Sở Nội vụ.

Câu 91: Thời hạn báo cáo kết quả thực hiện các sáng kiến, mô hình CCHC của các cơ quan, địa phương ?

Trả lời: Chậm nhất trong tháng 9/2026.

Câu 92: Việc tự kiểm tra CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương phải hoàn thành chậm nhất là khi nào?

Trả lời: Tháng 6/2026.

Câu 93: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, nội dung nào sau đây là trách nhiệm của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh?

Trả lời: Phối hợp giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo đúng thời gian quy định.

Câu 94: Tần suất tổ chức đối thoại định kỳ với người dân và doanh nghiệp về vướng mắc cơ chế, chính sách, TTHC?

Trả lời: Hằng tháng.

Câu 95: Theo Kế hoạch 9669/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh, mục tiêu đối với TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý?

Trả lời: 100% được công bố đúng quy định.

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG VÀ PHÁT HÀNH

Trần Hữu Tuấn - Phó Giám đốc Sở Nội vụ

Trình bày và sửa bản in

Nguyễn Văn Dũng - Trưởng Phòng CCHC và VTLT

Võ Văn Tú - Phó Trưởng Phòng CCHC và VTLT

Trần Thị Bích Quý - Chuyên viên Phòng CCHC và VTLT

Biên tập

Huỳnh Triệu Tín - Phó Trưởng Phòng CCHC và VTLT
Phạm Thị Thu Vân - Chuyên viên Phòng CCHC và VTLT
Thái Thị Hoài - Chuyên viên Phòng CCHC và VTLT